

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V
TỈNH THÁI NGUYÊN

Bản án số: 08/2018/HNGĐ – ST

Ngày: 09/02/2018

V/v Ly hôn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V – THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Ông Hoàng Kim Tuấn.

+ **Các Hội thẩm nhân dân:**

1 – Ông Lương Văn Khoa.

2 – Bà Chu Thị Nụ.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thuỳ Dung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V – Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2018/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2017 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 25/01/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn A - Sinh năm 1985.

Địa chỉ: Xóm C – D – V – Thái Nguyên.

Dân tộc: Tày; Văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Tự do. (Có mặt)

Bị đơn: Chị Trần Thị B – Sinh năm 1991.

Địa chỉ: Xóm C – D – V – Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh.

(Vắng mặt lần 2 không có lý do)

NHẬN THẤY:

Theo bản tự khai và biên bản lấy lời khai và tại phiên toà nguyên đơn anh Bùi Văn A trình bày: Anh và chị Trần Thị B lấy nhau năm 2009, đến năm 2010 đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện V, trước khi lấy nhau có được tìm hiểu. Quá trình chung sống anh và chị B có 01 con chung là cháu AB1 - sinh ngày 04/06/2010. Về tài

sản chung: anh và chị B không có tài sản chung. Về nợ chung: anh và chị B không vay ai và cho ai vay.

Về nguyên nhân anh xin ly hôn chị B là do anh và chị B có cách sống không hòa hợp thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh và chị B sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Mặc dù hai vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình nội ngoại phân tích, hòa giải nhưng anh chị không thể sống chung được. Nay anh yêu cầu Tòa án cho anh được ly hôn chị B.

Về con chung: Anh có A vọng được nuôi **cháu AB1 - sinh ngày 04/06/2010, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.**

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vì anh chị không có tài sản chung.

Bị đơn chị Trần Thị B sau khi Tòa án thụ lý, Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo nhiều lần để chị B đến Tòa án làm các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng chị B trốn tránh không đến, nên Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

*Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án cụ thể:

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn A, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Trần Thị B.

-Về quan hệ vợ chồng: Cho anh Bùi Văn A được ly hôn chị Trần Thị B.

-Về con chung: **Cháu AB1 - sinh ngày 04/06/2010 có A vọng ở với bố nên cần giao cháu Anh cho anh A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị B vì anh A không yêu cầu.**

Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh A chịu án phí theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc Ly hôn giữa anh Bùi Văn A và bị đơn chị Trần Thị B.

[2] Về tư cách chủ thể: Anh Bùi Văn A khởi kiện xin ly hôn chị Trần Thị B nên anh Bùi Văn A là nguyên đơn, chị Trần Thị B là bị đơn trong vụ án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của anh A: Cuộc hôn nhân giữa anh A và chị B là hoàn toàn tự A và hợp pháp. Về nguyên nhân ly hôn: do anh A và chị B có cách sống

không hòa hợp thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh A và chị B sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Xét cuộc hôn nhân giữa anh A và chị B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Văn A.

[4] Về yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung cháu AB1 - sinh ngày 04/06/2010 của anh A. Xét cháu Anh đang sinh sống cùng bố và bà nội, quá trình điều tra cháu AB1 cũng có A vọng ở với bố. Do vậy, căn cứ Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cháu AB1 - sinh ngày 04/06/2010 cho anh Bùi Văn A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị B vì anh A không yêu cầu. Anh A và chị B, cũng như các thành viên trong gia đình có các quyền và nghĩa vụ đối với cháu AB1 theo quy định.

[5] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, anh Bùi Văn A phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định.

[8] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tại phiên tòa là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147 và 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1, Về quan hệ vợ chồng: Cho anh Bùi Văn A được ly hôn chị Trần Thị B.

2, Về con chung: Giao cháu AB1 – Sinh ngày 04/06/2010 cho anh Bùi Văn A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị B vì anh A không yêu cầu.

Chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu AB1 mà không ai được cản trở.

Anh A cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị B thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu AB1.

3, Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4, Về án phí: Buộc anh Bùi Văn A chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số 0009325 ngày 15 tháng 12 năm 2017.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự A thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Dương sự;
- VKSND;
- UB xã;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Kim Tuấn